

**S TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2024/DS-ST**
Ngày: 26/09/2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thom.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 05 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 08 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐST-DS ngày 10/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc D – có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 8A Ng, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Sào Mùi S – vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện bên nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết vào ngày 20/9/2022, bà Sào Mùi S có vay của bà Đinh Thị Th số tiền gốc là 185.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 30 ngày kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/10/2022. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 10%/năm. Việc vay tiền được thể hiện bằng văn bản có ký xác nhận nợ của bà S.

Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà S không trả mặc dù bà Th đến đòi nợ nhiều lần. Để đảm bảo quyền lợi cho mình bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà Sào Mùi S trả số tiền gốc 185.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 bị đơn trình bày: Bà S thừa nhận có vay của bà Th số tiền gốc 185.000.000 đồng vào ngày 20/9/2022, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà S. Theo hợp đồng vay thì hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ 30 ngày kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/10/2022. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng không ghi vào hợp đồng vay. Quá trình vay tiền bà S đã thanh toán cho bà Th số tiền 40.000.000 đồng vào khoảng tháng 5/2024 và bà Th đã đồng ý cho bà S tiếp tục trả số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền 216.000.000 đồng trong đó tiền gốc là 185.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 27.600.000 đồng quan điểm của bà S là bà Th nói chỉ cần trả số tiền 100.000.000 đồng nên đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên thống nhất số tiền còn nợ và thời hạn trả nợ. Bà S không biết chữ nhưng nghe được và hiểu được tiếng phổ thông, có con gái bà S là chị Lý Mùi Tạng chứng kiến việc lấy lời khai và giải thích cho bà S biết nên bà đồng ý các nội dung Tòa án đã thông qua.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể vắng mặt tại phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần 01 và lần 02 không có lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 1, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Sào Mùi S thanh toán cho nguyên đơn bà Đinh Thị Th số tiền gốc 185.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Đinh Thị Th khởi kiện bà Sào Mùi S trả số tiền gốc 185.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ nhất mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chấp hành chưa tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể vắng mặt tại phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần 01 và lần 02 không có ý do. Như vậy, bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. Do đó, việc HĐXX tiến hành mở phiên tòa xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Ngoài việc xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án của nguyên đơn và bị đơn. Thì Tòa án còn xác định như sau: Đối với chồng bà Th là ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968 đã có bản trình bày. Số tiền bà Th cho bà S vay là tài sản riêng của bà Th ông Ph không biết và không tham gia giao dịch này nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án (bút lục 22); đối với ông Lý Kiềm L (chồng bà S) đã chết vào ngày 27/7/2022 chết trước khi bà S vay tiền của bà Th ngày 20/9/2022; đối với anh Lý Văn V (là con đẻ của bà S) và chị Triệu Mùi Gh (là vợ anh Lý Văn V) tại biên bản xác minh xác định: Mặc dù có tên trong sổ hộ khẩu của bà S nhưng chị Gh đã sống ly thân với anh V, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ đầu năm 2022, không còn sống chung trong gia đình bà S. Tại biên bản lấy lời khai anh Lý Văn V khai số tiền mẹ anh vay bà Th thì anh V không biết, anh không ký vào khoản vay đó và anh không liên quan đến khoản vay này, tài sản của ai làm người đó hưởng, anh đi làm thuê sống qua ngày. Vợ anh chồng anh Vac đã ly hôn nên anh về ở ké nhà bà S (Bút lục 21b). Chị Lý Mùi T con gái bà S trình bày đã lập gia đình không ở chung trong gia đình mẹ chị, chị không liên quan đến khoản vay của mẹ chị, anh trai chị là anh Lý Văn V đang ở ké nhà mẹ chị và không có tài sản gì, cũng không liên quan đến khoản vay trên (bút lục

21a). Qua biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai, bản trình bày của những người này HĐXX xét thấy họ không liên quan đến vụ án nên Tòa án không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20/9/2022, bà Sào Mùi S có vay của bà Đinh Thị Th số tiền gốc là 185.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 30 ngày kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/10/2022. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi vào hợp đồng vay. Việc vay tiền được thể hiện bằng văn bản có ký xác nhận nợ của bà S. Tại thời điểm vay tiền các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn bà S cũng thừa nhận việc vay số tiền 185.000.000 đồng là có thật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì “...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Nên đây là những sự kiện không phải chứng minh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 (bút lục 21) bà S trình bày: Bà có thừa nhận vay bà Th số tiền 185.000.000 đồng vào ngày 20/9/2022 nhưng khoảng tháng 05/2024 bà S đã thanh toán cho bà Th số tiền 40.000.000 đồng và bà Th đã đồng ý cho bà S tiếp tục trả số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng: Bên nguyên đơn không thừa nhận việc bà S đã thanh toán số tiền 40.000.000 đồng cho bà Th; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đối chất để làm rõ số tiền S đã trả cho bà Th, số tiền còn nợ và lãi suất các bên thỏa thuận nhưng bà S đã không hợp tác làm việc. Mặt khác, bà S mong muốn được hòa giải với Bà Th nhưng trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà S cũng không tham gia. Quá trình giải quyết vụ án bà S cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ cho việc trả nợ trên nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận yêu cầu này.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả số tiền nợ gốc 185.000.000 đồng, HĐXX thấy rằng: Bà Th đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS năm 2015 “1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.

Tại khoản 1 Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác....”. Bà S đã vi phạm nghĩa vụ dân sự nên bà Th yêu cầu trả số tiền nợ gốc 185.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về yêu cầu lãi suất: **Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; trên cơ sở yêu cầu của đương sự, HĐXX xét thấy căn cứ các quy định trên tính lại phân lãi suất như sau:**

[4.1] **Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả:** Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận thỏa thuận lãi suất cho vay bằng miệng không ghi vào hợp đồng vay, bên nguyên đơn trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 10%/năm là 30 ngày từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/10/2022. Bên bị đơn vắng mặt nên không làm rõ được lãi suất vay là bao nhiêu. Tại khoản 2 Điều 468 của BLDS quy định *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”* Bên nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/10/2022 được tính như sau: $185.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 30 \text{ ngày} = 1.535.500 \text{ đồng}$.

[4.2] Do trong hạn bà S chưa trả lãi trên nợ gốc trong hạn nên còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, cụ thể:

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày xét xử ngày 26/9/2024) = $1.535.500 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 295.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

[4.3] Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất quá hạn tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS là 0,83%/tháng (từ ngày 21/10/2022 đến ngày xét xử) = $185.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 35.572.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Tổng tiền lãi là 37.402.500 đồng.

Từ phân tích trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà S phải trả cho nguyên đơn bà Th tổng số tiền là 222.402.500 đồng, trong đó nợ gốc là 185.000.000 đồng, nợ lãi là 37.402.500 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự là $222.402.500 \text{ đồng} \times 5\% = 11.120.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; **Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;** khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Th.

Buộc bị đơn bà Sào Mùi S có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Th tổng số tiền là **222.402.500 đồng**, trong đó nợ gốc là 185.000.000 đồng, nợ lãi là 37.402.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Sào Mùi S phải nộp 11.120.000 đồng (làm tròn số) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Th 5.315.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005035 ngày 08/05/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**